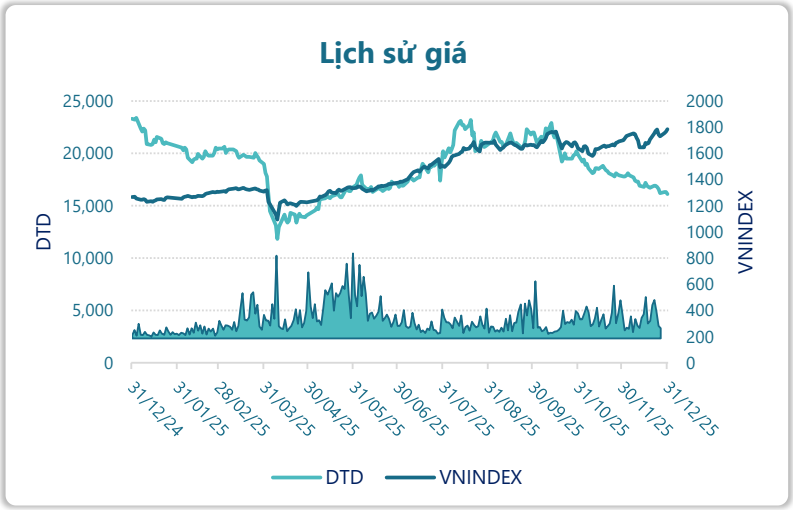
FireAnt

CTCP Đầu tư Phát triển Thành Đạt (HNX: DTD)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**16,100**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	23,392
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	11,825
SL cổ phiếu LH	66,686,055
KLGD BQ 20 phiên (CP)	180,820
% sở hữu nước ngoài	0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,074
P/E	4.3
EPS	3,787

DT thuần

Q4/25

168

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 18.0| 12.1%

YoY: ▲ 104| 162%

LN sau thuế

Q4/25

79.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 44.9| 129%

YoY: ▲ 66.9| 519%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

56.2%

+/- YoY: ▲ 10.7%

DT thuần

2025

825

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 330| 66.7%

LN sau thuế

2025

368

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 192| 109%

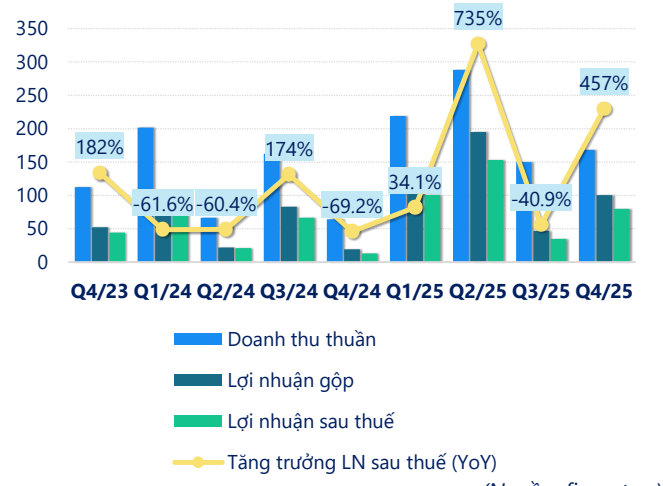
ROE

2025

16.9%

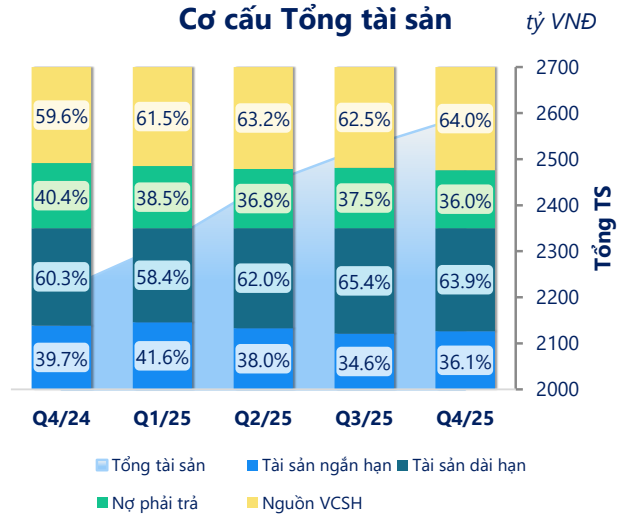
+/- YoY: ▲ 7.5%

Kết quả kinh doanh



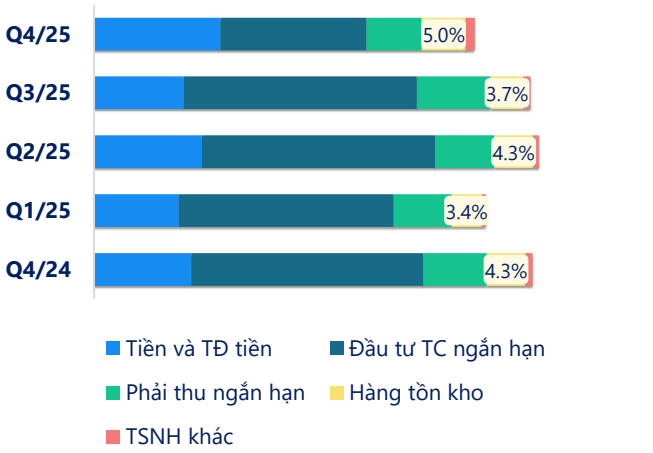
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



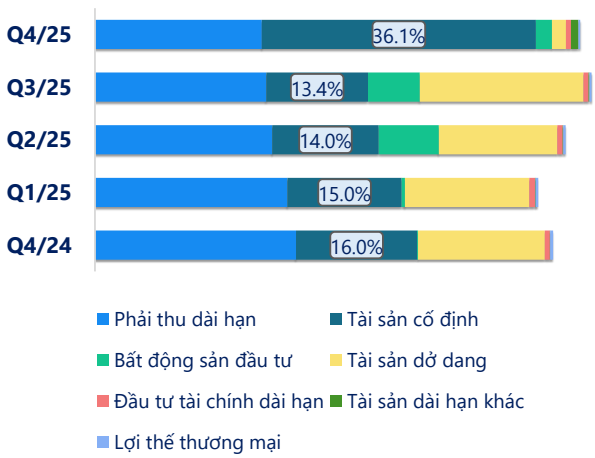
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



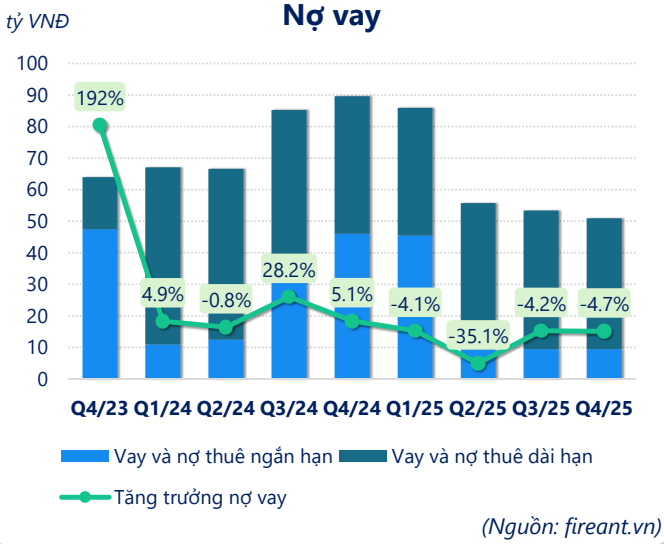
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



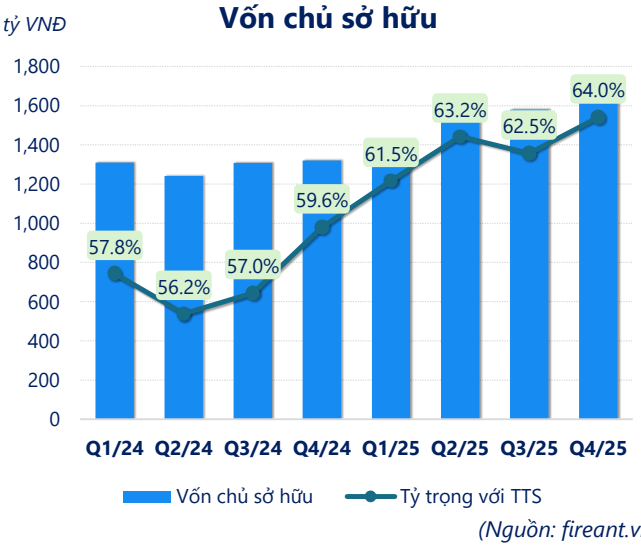
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



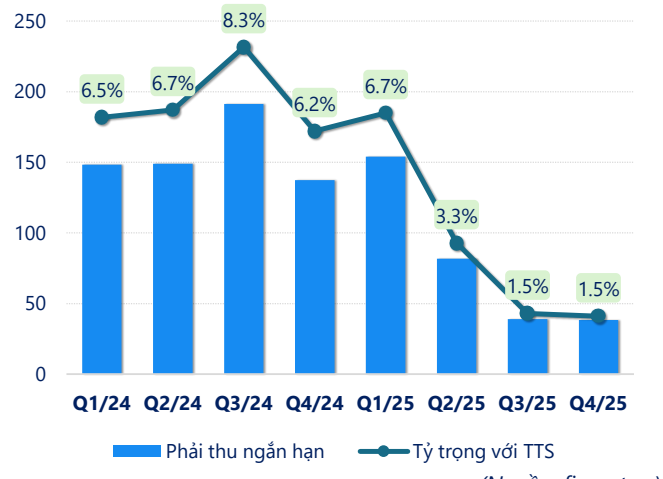
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



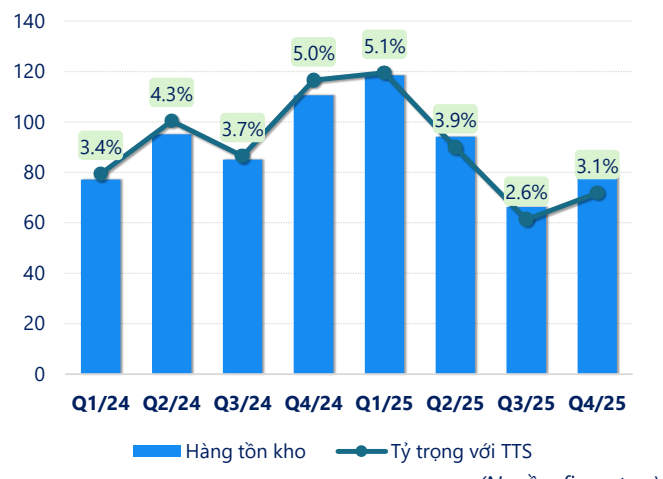
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



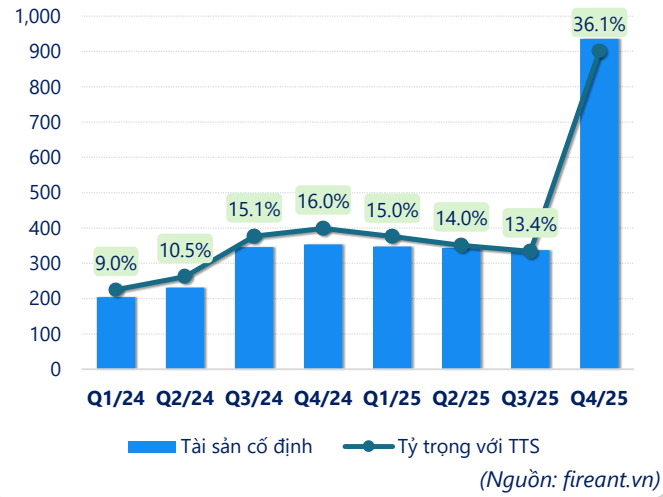
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



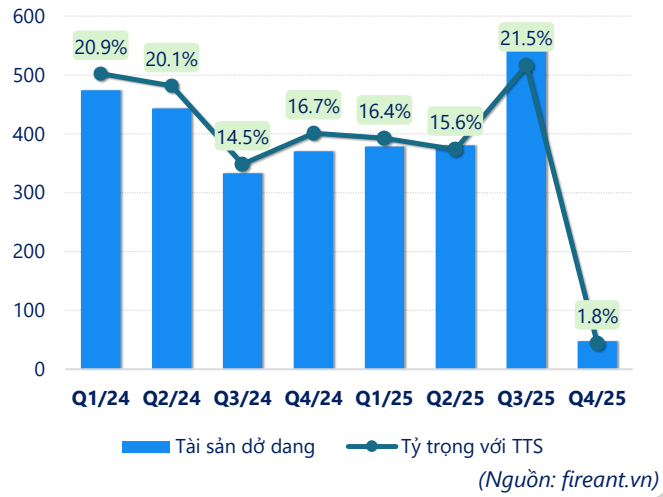
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



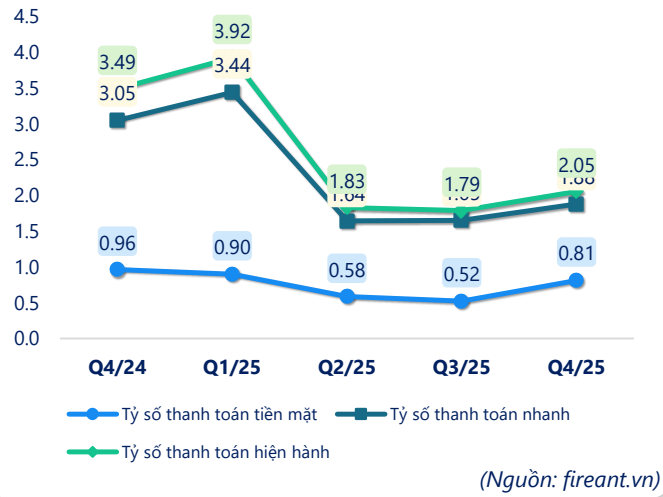
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



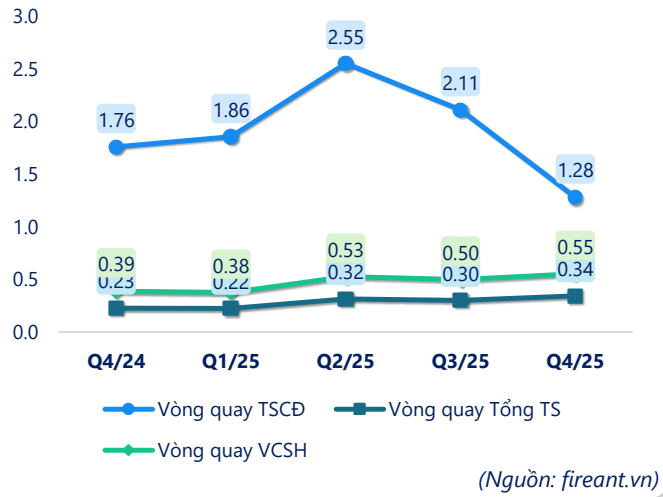
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**2,215**	**2,313**	**2,443**	**2,526**	**2,594**
Tài sản ngắn hạn	**879**	**963**	**929**	**875**	**936**
Tiền và tương đương tiền	243	221	297	256	370
Đầu tư tài chính ngắn hạn	365	443	430	489	430
Phải thu ngắn hạn	137	154	81.7	39.0	38.3
Hàng tồn kho	111	118	94.2	66.3	79.9
Tài sản ngắn hạn khác	23.2	27.3	26.9	24.5	18.3
Tài sản dài hạn	**1,336**	**1,350**	**1,514**	**1,651**	**1,658**
Phải thu dài hạn	586	586	570	570	570
Tài sản cố định	353	348	343	338	936
Bất động sản đầu tư	2.00	10.3	193	173	54.8
Tài sản dở dang	370	378	380	544	47.7
Đầu tư tài chính dài hạn	14.7	17.7	17.7	17.7	17.7
Tài sản dài hạn khác	0.74	1.42	2.11	2.07	25.2
Lợi thế thương mại	8.84	8.29	7.73	7.18	6.63
Nợ phải trả	**894**	**891**	**899**	**946**	**934**
Nợ ngắn hạn	**252**	**246**	**508**	**489**	**456**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	46.0	45.5	9.40	9.40	9.40
Phải trả người bán ngắn hạn	10.8	16.6	20.8	34.6	38.2
Nợ dài hạn	643	646	391	457	479
Vay và nợ thuê dài hạn	43.6	40.5	46.4	44.0	41.5
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,320**	**1,421**	**1,545**	**1,580**	**1,660**
Vốn chủ sở hữu	**1,320**	**1,421**	**1,545**	**1,580**	**1,660**
Vốn điều lệ	575	575	667	667	667
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)